

KẾ HOẠCH

**Xây dựng Chính quyền điện tử, đô thị thông minh và chuyển đổi số
tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025**

PHẦN I

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ
THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC
GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

**I. XÂY DỰNG VÀ BAN HÀNH CHÍNH SÁCH, HOÀN THIỆN
MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ**

Trong giai đoạn 2016 - 2020, UBND tỉnh Hậu Giang đã xây dựng và ban hành nhiều chính sách, văn bản chỉ đạo để đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính quyền điện tử, bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn Tỉnh. Các văn bản chủ yếu bao gồm:

1. Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 25/01/2016 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết 36a/NQ-CP của Chính phủ về Chính phủ điện tử.

2. Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 25/01/2016 của UBND tỉnh về việc thực hiện lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến giai đoạn 2016 - 2020.

3. Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 01/3/2018 của UBND tỉnh về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2018 - 2020.

4. Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 08/01/2019 của UBND tỉnh về việc ứng dụng chữ ký số và lộ trình sử dụng văn bản điện tử trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang đến năm 2020.

5. Kế hoạch số 922/KH-UBND ngày 19/4/2019 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025.

6. Kế hoạch số 523/KH-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình số 257-CTr/TU ngày 30/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách thực hiện cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

7. Quyết định số 1648/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử và Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện các giải pháp nâng cao các Chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PAPI và PCI tỉnh Hậu Giang.

8. Quyết định số 1816/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hậu Giang, phiên bản 1.0.

9. Quyết định số 2089/QĐ-UBND ngày 02/12/2019 của UBND tỉnh về ban hành Quy chế quản lý, vận hành Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Hậu Giang.

10. Quyết định số 1347/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Cổng Thông tin điện tử tỉnh Hậu Giang.

11. Quyết định số 1421/QĐ-UBND ngày 07/8/2020 của UBND tỉnh về ban hành Quy chế sử dụng Hệ thống Quản lý văn bản tỉnh Hậu Giang.

12. Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 07/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử, cải cách hành chính và chuyển đổi số tỉnh Hậu Giang.

13. Quyết định số 2504/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hậu Giang, phiên bản 2.0.

Đây là các văn bản, chính sách quan trọng, là cơ sở pháp lý để triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước trên địa bàn Tỉnh trong giai đoạn 2016 - 2020.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 02/NQ-TU ngày 02/12/2020 về xây dựng Chính quyền điện tử và chuyển đổi số tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Tiếp đó, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 25/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 về việc thông qua Đề án Xây dựng Chính quyền điện tử và đô thị thông minh tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2020 - 2025.

Đồng thời, để chuẩn bị nguồn lực triển khai Đề án Xây dựng Chính quyền điện tử và đô thị thông minh tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2020 - 2025, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng Chính quyền điện tử và Đô thị thông minh tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025.

II. HOÀN THIỆN, NÂNG CẤP HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. 100% các cơ quan nhà nước trên địa bàn Tỉnh đã có kết nối Internet và mạng nội bộ (LAN). 100% cán bộ, công chức (CBCC) tại cơ quan nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện được trang bị máy tính; tỷ lệ CBCC tại UBND cấp xã được trang bị máy tính đạt 98%.

2. Mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng và Nhà nước tại Hậu Giang đã triển khai đến các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, được sử dụng chủ yếu để đảm bảo hoạt động của Trung tâm Dữ liệu và Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh phục vụ công tác chỉ đạo và điều hành.

3. Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh đi vào hoạt động từ tháng 10 năm 2020, bước đầu có những kết quả tích cực, góp phần hoàn thiện hạ tầng cho Chính quyền điện tử và đô thị thông minh, cung cấp thông tin trực quan về hoạt động của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng của Tỉnh, hỗ trợ cho các cơ quan chức năng, chính quyền đô thị trong hoạt động quản lý, kiểm soát và cung ứng dịch vụ.

4. Dịch vụ hạ tầng điện toán đám mây (cloud) được thuê của doanh nghiệp để phục vụ các ứng dụng chính của Tỉnh, bao gồm: Cổng Thông tin điện tử của UBND tỉnh, Tỉnh ủy và Trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, địa phương, phần mềm Quản lý văn bản, Hệ thống dịch vụ công trực tuyến, Hệ thống Báo cáo kinh tế - xã hội..., đảm bảo tốc độ truy cập, an toàn thông tin.

5. Trung tâm tích hợp dữ liệu của Tỉnh hoạt động 24 giờ/7 ngày, đóng vai trò sao lưu (backup) cho các ứng dụng, phần mềm, cơ sở dữ liệu của Tỉnh, đảm bảo khả năng khôi phục hoạt động của các ứng dụng này khi có sự cố.

III. PHÁT TRIỂN CÁC NỀN TẢNG

1. Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Tỉnh (LGSP) đã kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP), bao gồm 10 dịch vụ: Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch, Hệ thống cấp phiếu Lý lịch tư pháp trực tuyến, Liên thông khai sinh và cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi, cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký Doanh nghiệp, Hệ thống hỗ trợ thanh toán dịch vụ công trực tuyến toàn quốc (PayGov), Danh mục điện tử dùng chung, Cấp mã số cho các đơn vị có quan hệ với ngân sách, cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản Quy phạm pháp luật, cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

2. Hệ thống xác thực dùng chung (SSO) phục vụ việc đăng nhập một lần các hệ thống: Thư điện tử, Cổng Dịch vụ công trực tuyến và Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Hệ thống Quản lý văn bản, Hệ thống Trang thông tin điện tử và một số dịch vụ đô thị thông minh: App HậuGiang, Hệ thống Báo cáo kinh tế - xã hội.

IV. KHAI THÁC, SỬ DỤNG, PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU

1. Khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu các Bộ, ngành.

- Cơ sở dữ liệu quản lý thống kê ngành nội vụ.
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại tố cáo.
- Cơ sở dữ liệu quan trắc.

- Cơ sở dữ liệu Lý lịch tư pháp; Hệ thống đăng ký cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến; cơ sở dữ liệu quản lý hộ tịch; Hệ thống đăng ký khai sinh điện tử; Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật; Cơ sở dữ liệu quản lý hồ sơ quốc tịch; Hệ thống đăng ký hộ tịch trực tuyến.

- Cơ sở dữ liệu thông tin liệt sĩ, mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ; Cơ sở dữ liệu tra cứu thông tin liệt sĩ; Cơ sở dữ liệu quản lý đối tượng bảo trợ xã hội; Cơ sở dữ liệu quản lý hộ nghèo; Cơ sở dữ liệu quản lý trẻ em; Cơ sở dữ liệu quản lý cung cầu lao động.

- Hệ thống đăng ký doanh nghiệp; Hệ thống đăng ký hộ cá thể; Cơ sở dữ liệu thông tin về đầu tư sử dụng vốn nhà nước; Hệ thống đấu thầu quốc gia; Cơ sở dữ liệu quản lý thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài.

- Hệ thống quản lý ngân sách PMIS; Hệ thống cấp mã số quan hệ ngân sách; Hệ thống báo cáo tài chính.

- Cơ sở dữ liệu quản lý lưu trú.

- Cơ sở dữ liệu đề tài dự án khoa học công nghệ.

- Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo; Cơ sở dữ liệu quản lý giáo dục; Cơ sở dữ liệu Quản lý học sinh SMAS; Cơ sở dữ liệu Phổ cập giáo dục - Xóa mù chữ; Cơ sở dữ liệu quản lý thi trắc nghiệm tin học.

- Cơ sở dữ liệu khám chữa bệnh; cơ sở dữ liệu quản lý hồ sơ sức khỏe người dân; Cơ sở dữ liệu quầy thuốc/nhà thuốc; Cơ sở dữ liệu quản lý Y tế cơ sở.

2. Cơ sở dữ liệu do Tỉnh xây dựng

- Phần mềm Quản lý văn bản; Cổng Thông tin điện tử; Cổng Dịch vụ công trực tuyến và Hệ thống một cửa điện tử; Hệ thống Báo cáo kinh tế - xã hội; AppHauGiang; Cơ sở dữ liệu khiếu nại.

- Phần mềm Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hậu Giang; Phần mềm Quản lý Thi đua - Khen thưởng; Cơ sở dữ liệu quản lý lưu trữ lịch sử.

- Cơ sở dữ liệu quản lý hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Phần mềm luân chuyển hồ sơ đất đai.

V. XÂY DỰNG CÁC ỨNG DỤNG, DỊCH VỤ

1. Xây dựng các ứng dụng phục vụ hoạt động nội bộ các cơ quan nhà nước

1.1. Phần mềm Quản lý văn bản được triển khai đến tất cả các sở, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố và UBND xã, phường, thị trấn với hơn 300 cơ quan, đơn vị sử dụng. Số lượng người sử dụng khoảng 3.000 tài khoản.

Hệ thống đã liên thông với Trục liên thông văn bản Quốc gia đảm bảo việc gửi, nhận văn bản điện tử thông suốt từ Trung ương đến địa phương. Tỷ lệ văn bản đi/đến (không mật) chuyển hoàn toàn trên môi trường mạng đạt trên 80%, tỷ lệ văn bản điện tử (không mật) trao đổi song song với văn bản giấy đạt 20%.

Hệ thống tích hợp chữ ký số nên tạo điều kiện thuận lợi cho việc chỉ đạo, điều hành và xử lý văn bản theo quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.

Các đơn vị đã khai thác có hiệu quả các tính năng của phần mềm như ký số trực tuyến, tìm kiếm, tiếp nhận xử lý văn bản đến, tạo lập, phát hành văn bản đi, gửi nhận văn bản liên thông với Văn phòng Chính phủ..., giúp việc tra cứu, khai thác văn bản được thuận lợi, nhanh chóng, rút ngắn thời gian xử lý công việc hàng ngày của các cơ quan, góp phần cải cách hành chính.

1.2. Hệ thống Báo cáo kinh tế - xã hội đã được triển khai. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, quy trình nghiệp vụ và các tiện ích, thuật toán dự báo các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của Tỉnh.

1.3. Chữ ký số chuyên dùng Chính phủ đã cấp cho khoảng 98% tổ chức, lãnh đạo có thẩm quyền ký số với tổng số chữ ký số được cấp trên toàn Tỉnh là 1.965 (429 tổ chức, 1.536 cá nhân và 343 SIM ký số), đồng thời đang thí điểm ký số trên thiết bị di động.

Chữ ký số chuyên dùng đã được tích hợp vào hệ thống phần mềm Quản lý văn bản tại các cơ quan, đơn vị và được triển khai phục vụ thực hiện trong ứng dụng quản lý văn bản, khai báo thuế, bảo hiểm xã hội và ngành thuế. Việc triển khai sử dụng chữ ký số chuyên dùng trong nhiều ứng dụng giúp vừa tiết kiệm, vừa phát huy hiệu quả sử dụng và đảm bảo an toàn thông tin.

1.4. Hệ thống Thư điện tử tỉnh đã cấp được 9.800 tài khoản, trên 80% cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng thư điện tử trao đổi công việc. Đây cũng là hệ thống xác thực tập trung (SSO - Single Sign On) trong Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hậu Giang.

1.5. Phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong tỉnh đã triển khai cho 703 cơ quan, đơn vị sử dụng, cụ thể:

- Đối với sở, ban, ngành tỉnh: Có 24 đơn vị và 77 đơn vị trực thuộc.
- Đối với cấp huyện: Có 08 đơn vị huyện, thị xã, thành phố và 107 phòng, ban chuyên môn thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố.
- Đối với cấp xã: Có 75 xã, phường, thị trấn.
- Đối với đơn vị sự nghiệp giáo dục: Có 23 trường Trung học phổ thông và 296 đơn vị trường Trung học cơ sở, Tiểu học, Mẫu giáo và Mầm Non.

- Đối với đơn vị sự nghiệp Y tế: Có 93 trung tâm và trạm y tế.
- Hiện tại hồ sơ được cập nhật trên phần mềm Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức là 15.946 hồ sơ.
- Số lượng hồ sơ hoàn chỉnh khoảng 7.000 hồ sơ, số hồ sơ còn lại các đơn vị đang cập nhật một số trường thông tin cho hoàn chỉnh.

1.6. Hệ thống họp trực tuyến đã được triển khai sử dụng ổn định, hiệu quả từ UBND tỉnh đến UBND cấp huyện, góp phần phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành một cách nhanh chóng, hiệu quả, tiết kiệm thời gian, chi phí cho tổ chức các cuộc họp, hội nghị, đặc biệt phục vụ tốt triển khai Nghị quyết của Trung ương đến cấp cơ sở. Tuy nhiên hệ thống vẫn chưa triển khai đến cấp xã nhằm phát huy hiệu quả của hệ thống.

2. Ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp

2.1. Cổng Thông tin điện tử tỉnh được xây dựng mới và đưa vào vận hành chính thức từ ngày 15/7/2020, gồm 31 cổng thành phần của các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố và 5 cổng, trang độc lập của các đơn vị. Cổng được cập nhật thường xuyên, nội dung thông tin luôn bám sát định hướng tuyên truyền của Đảng và Nhà nước và theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP. Các văn bản chỉ đạo, điều hành của trung ương và địa phương, các hoạt động, sự kiện của của Tỉnh, của ngành cũng được đăng tải kịp thời và chính xác, thể hiện được vai trò cung cấp thông tin chính thống của các cơ quan nhà nước trên môi trường mạng; đồng thời, từng bước đẩy mạnh quá trình minh bạch thông tin, phục vụ cho công tác quản lý của cơ quan và nhu cầu khai thác thông tin của tổ chức và cá nhân.

2.2. Cổng Dịch vụ công trực tuyến và Hệ thống Một cửa điện tử

- Triển khai tại 100% cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; hệ thống triển khai tập trung, đồng bộ và chia sẻ dữ liệu theo hướng dẫn tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư số 18/2019/TT-BTTTT ngày 25/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc, định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối cổng dịch vụ công quốc gia với cổng dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh và các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành” và Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm khả năng truy cập thuận tiện đối với trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

- Cổng đã cập nhật 1.937 thủ tục hành chính thuộc danh mục thủ tục hành chính của các đơn vị trong Tỉnh, trong đó, cung cấp 1.535 dịch vụ mức 2, 236 mức 3 và 166 mức 4. Hệ thống đã liên thông và cập nhật 1.681 thủ tục hành chính lên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Đã thực hiện việc đồng bộ số liệu thống kê xử lý hồ sơ cho Cổng Dịch vụ công quốc gia; tích hợp, dùng chung hệ thống xác thực (SSO) của Cổng Dịch vụ công quốc gia; Tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia 15 thủ tục mức độ 3, 4.

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận trên Cổng dịch vụ công (mới) đến hết tháng 12 năm 2020 là 87.669 hồ sơ, tỷ lệ giải quyết đúng hạn là 99,1%.

- Đến nay, 100% các sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố đã có Cổng/Trang Thông tin điện tử.

2.3. HauGiang App (phản ánh hiện trường, đặt lịch khám chữa bệnh, giám sát môi trường...) là ứng dụng di động cho phép người dân tra cứu thông tin về lịch công tác, thời tiết, thị trường và tương tác với các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh.

3. Triển khai các dịch vụ Đô thị thông minh

3.1. Nền tảng đô thị thông minh: Hệ thống giám sát đặt tại Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh (hệ thống màn hình ghép và các trang thiết bị phục vụ giám sát, các máy chủ và hệ thống lưu trữ, firewall...).

3.2. Phần mềm giám sát, điều hành tại Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh với các chức năng:

- Kết nối, chia sẻ dữ liệu nghiệp vụ với nhau và với các hệ thống phục vụ chính quyền điện tử.

- Cung cấp các dữ liệu dùng chung, định danh, phân quyền cho các dịch vụ, phần mềm trong hệ thống.

- Cung cấp cơ chế thu thập, phân tích dữ liệu từ các hệ thống, dịch vụ.

- Cung cấp cơ chế bóc tách, phân tích, tổng hợp dữ liệu lớn thành các dữ liệu chuyên ngành.

- Cung cấp dữ liệu mở cho các dịch vụ, hệ thống bên ngoài có thể sử dụng lại dữ liệu của nền tảng..., và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và quản trị cho nền tảng.

- Hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng: Triển khai hệ thống giám sát an toàn thông tin SOC đã kết nối chia sẻ thông tin với Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng Quốc gia phục vụ hoạt động hỗ trợ giám sát, phòng chống tấn công mạng và điều phối ứng cứu sự cố an toàn thông tin.

- Hệ thống giám sát an ninh công cộng (hệ thống Camera): Đã thực hiện liên thông kết nối 61 camera giám sát an ninh trật tự từ Công an tỉnh về hiển thị trên phần mềm trên IOC theo từng vị trí, tọa độ trên bản đồ số phục vụ công tác quản lý, giám sát, phát hiện các sự vụ, sự việc và điều tiết xử lý.

3.3. Hệ thống Ứng dụng di động tỉnh Hậu Giang (có thể tải về từ địa chỉ <https://app.haugiang.gov.vn>) được tập huấn đưa vào sử dụng.

VI. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

1. Tổng số cán bộ chuyên trách, phụ trách công nghệ thông tin tại các sở, ban, ngành tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố là 64 người. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức của Tỉnh có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin theo Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản trở lên theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng A, B đạt 100%.

100% cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện có trình độ đại học trở lên.

2. Hàng năm, tổ chức tập huấn, hướng dẫn ứng dụng công nghệ thông tin cho các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã với 3.000 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham dự (Hệ thống Quản lý văn bản, Cổng Dịch vụ công trực tuyến và Một cửa điện tử, Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Hệ thống Báo cáo kinh tế - xã hội, HauGiang App, an toàn thông tin,...).

3. Hầu hết các đơn vị đều có cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, nhưng đa số kiêm nhiệm nên trình độ chuyên môn chưa phù hợp. Tại UBND huyện, thị xã, thành phố (đặc biệt là các Phòng Văn hóa và Thông tin và UBND cấp xã chưa có cán bộ công nghệ thông tin) hầu hết chưa có biên chế phụ trách công nghệ thông tin nên gặp khó khăn trong công tác tham mưu và triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại đơn vị.

VII. ĐẢM BẢO AN TOÀN THÔNG TIN

1. Các hệ thống, ứng dụng của Tỉnh được kết nối vào Hệ thống giám sát từ xa tại Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia, đã kết nối chia sẻ thông tin về mã độc với hệ thống kỹ thuật của Trung tâm theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại cho các Hệ thống Quản lý văn bản, Cổng Dịch vụ công trực tuyến, Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Cổng Thông tin điện tử Tỉnh ủy và một số hệ thống dùng chung của Tỉnh.

2. Năm 2020, Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với doanh nghiệp an toàn thông tin thực hiện lắp đặt thí điểm các thiết bị giám sát, thu thập thông tin liên quan các vấn đề an toàn, an ninh mạng (cảm biến), bao gồm: Cảm biến tại Trung tâm dữ liệu (đặt tại Sở Thông tin và Truyền thông), cảm biến

tại Văn phòng UBND tỉnh và cảm biến tại Văn phòng Tỉnh ủy. Tiếp nhận kỹ thuật vận hành và thực hiện việc giám sát an ninh thông tin mạng thông qua SOC Portal (Cổng tích hợp các tính năng hỗ trợ việc thu thập, phân tích thông tin do cảm biến ghi nhận).

3. Tổ chức 20 lớp bồi dưỡng nâng cao khả năng phòng, chống tấn công mạng, diễn tập ứng cứu sự cố đảm bảo an toàn thông tin mạng cho 300 học viên là thành viên Đội ứng cứu sự cố đảm bảo an toàn thông tin mạng và cán bộ, công chức chuyên trách công nghệ thông tin các sở, ngành và các huyện, thị xã, thành phố.

4. Cử hơn 50 lượt cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, an toàn thông tin tham gia các khóa đào tạo an toàn thông tin, diễn tập ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức.

VIII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Giai đoạn 2016 - 2020, ngân sách nhà nước của Tỉnh cho đầu tư, xây dựng Chính quyền điện tử và ứng dụng công nghệ thông tin là khoảng 41,7 tỷ đồng.

PHẦN II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, ĐÔ THỊ THÔNG MINH VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Luật Công nghệ thông tin.

- Luật Giao dịch điện tử.

- Luật An toàn thông tin.

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW.

- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025.

- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Quyết định số 559/QĐ-TTg ngày 24/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước”.

- Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.

- Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 12/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Công dịch vụ công quốc gia.

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam.

- Quyết định số 2323/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phiên bản 2.0.

- Công văn số 2606/BTTTT-THH-ATTT ngày 15/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính phủ/Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2021 và giai đoạn 2021 - 2025.

- Kế hoạch số 196-KH/TU ngày 10/6/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hậu Giang về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 41-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường phối hợp triển khai đồng bộ các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

- Nghị quyết số 02/NQ-TU ngày 02/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XIV) về xây dựng Chính quyền điện tử và chuyển đổi số tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Nghị quyết số 25/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh về việc thông qua Đề án Xây dựng Chính quyền điện tử và Đô thị thông minh tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2020 - 2025.

- Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng Chính quyền điện tử và Đô thị thông minh tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 -2025.

- Kế hoạch số 523/KH-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình số 257-CTr/TU ngày 30/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách thực hiện cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Quyết định số 2089/QĐ-UBND ngày 02/12/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý, vận hành Công Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Hậu Giang.

- Quyết định số 1347/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Công Thông tin điện tử tỉnh Hậu Giang.

- Quyết định số 1421/QĐ-UBND ngày 07/8/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy chế sử dụng Hệ thống Quản lý văn bản tỉnh Hậu Giang.

- Quyết định số 2504/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hậu Giang, phiên bản 2.0.

II. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2025

1. Mục tiêu tổng quát

Đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động của các cơ quan, đơn vị và địa phương, các hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, phát triển môi trường số an toàn, nhân văn trên địa bàn Tỉnh.

Ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, từ đó nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Triển khai các ứng dụng và dịch vụ đô thị thông minh trên địa bàn Tỉnh. Đến năm 2025, Hậu Giang nằm trong nhóm 30 tỉnh dẫn đầu cả nước về chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (Vietnam ICT Index).

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Hoàn thiện Chính quyền điện tử, phát triển Chính quyền số, chuyển đổi hoạt động của cơ quan nhà nước lên môi trường số

a) 100% dịch vụ công được đưa lên trực tuyến mức độ 3, 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm thiết bị di động.

b) 100% phần mềm Quản lý văn bản được triển khai cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn Tỉnh và được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia phục vụ gửi, nhận văn bản điện tử; 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử có ký số được luân chuyển trên phần mềm Quản lý văn bản của Tỉnh.

c) 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp cơ sở được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

d) 100% báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh được thực hiện qua hệ thống báo cáo của Tỉnh.

đ) 100% báo cáo Chính phủ định kỳ (không bao gồm nội dung mật) được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

2.2. Phát triển xã hội số, xây dựng đô thị thông minh

a) Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 90% hộ gia đình, 100% cấp xã.

b) Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh; các khu công nghiệp được phủ sóng 5G trong năm 2021.

c) Các hệ thống thông tin của Tỉnh được đảm bảo an toàn, an ninh mạng theo mô hình 4 lớp. Hậu Giang đạt chỉ số an toàn thông tin mạng thuộc nhóm B.

d) Mỗi hộ, gia đình có một mã bưu chính, có thể tra cứu địa chỉ bằng bản đồ số.

đ) Hiện đại hóa hệ thống thông tin cơ sở bằng công nghệ số; đổi mới nội dung báo chí, truyền thông nhằm tạo đồng thuận, niềm tin xã hội, khát vọng phát triển, tạo ra sức mạnh tinh thần để Tỉnh bứt phá vươn lên.

e) Xây dựng một số ứng dụng thông minh trọng điểm trong các lĩnh vực: nông nghiệp, giáo dục, an ninh trật tự, tài nguyên môi trường, y tế; triển khai đồng bộ các dịch vụ đô thị thông minh tại thành phố Vị Thanh.

2.3. Phát triển kinh tế số, chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực

a) Chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực, phân đầu tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt 10%.

b) Hình thành hệ thống doanh nghiệp công nghệ số, tỷ trọng kinh tế số phân đầu đạt 10% GRDP của Tỉnh.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Chuyển đổi, thống nhất nhận thức về chuyển đổi số

a) Tổ chức quán triệt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của Tỉnh về xây dựng Chính quyền điện tử, chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số, chú trọng nhấn mạnh vai trò quyết định của cấp ủy, người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị mình.

b) Xây dựng các chuyên mục về Chính quyền điện tử, chuyển đổi số trên Đài Phát thanh và Truyền hình Hậu Giang, Báo Hậu Giang và các phương tiện truyền thông xã hội để tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về xây dựng Chính quyền điện tử, chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số.

2. Hoàn thiện môi trường pháp lý, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số

a) Rà soát, hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách và ban hành các hướng dẫn về xây dựng Chính quyền điện tử, đô thị thông minh, kinh tế số và thực hiện chuyển đổi số theo hướng bền vững.

b) Nghiên cứu, ban hành các chính sách thúc đẩy chuyển giao, ứng dụng công nghệ số; đổi mới môi trường sáng tạo, thúc đẩy phát triển thị trường công nghệ số, thương mại điện tử trên địa bàn Tỉnh.

c) Nghiên cứu, ban hành chính sách để tạo điều kiện thuận lợi thu hút và phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn Tỉnh, từng bước hình thành hệ sinh thái phát triển kinh tế số, trong đó tập trung ưu đãi về thuế, sử dụng đất, hỗ trợ về hạ tầng viễn thông, Internet, tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực công nghệ số, giao thông..., để hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn Tỉnh.

3. Nâng cấp, phát triển hạ tầng số

a) Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan Nhà nước, bao gồm máy tính; mạng nội bộ; kết nối Internet tốc độ cao; các trang thiết bị cần thiết khác để phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

b) Thực hiện chuyển đổi IPv6 cho mạng lưới, dịch vụ, ứng dụng, phần mềm và thiết bị trên địa bàn Tỉnh.

c) Xây dựng, hoàn thiện mạng diện rộng của Tỉnh để triển khai các ứng dụng, phần mềm dùng chung của Tỉnh.

d) Nâng cấp, mở rộng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh tới xã, phường, thị trấn đảm bảo chất lượng các cuộc họp trực tuyến từ cấp Tỉnh xuống cấp xã.

đ) Duy trì, nâng cấp hạ tầng máy chủ, đường truyền, thiết bị lưu trữ theo phương thức thuê dịch vụ điện toán đám mây của doanh nghiệp để cài đặt, vận hành các nền tảng, phần mềm, ứng dụng, cơ sở dữ liệu của Tỉnh.

e) Bổ sung, nâng cấp Trung tâm dữ liệu của Tỉnh đảm bảo vai trò là hệ thống dự phòng cho các ứng dụng, dữ liệu của Tỉnh.

4. Xây dựng, phát triển các nền tảng dùng chung

a) Hoàn thiện nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu dùng chung cấp Tỉnh, kết nối đồng bộ với nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu dùng chung cấp quốc gia, đáp ứng yêu cầu khai thác dữ liệu và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp.

b) Kết nối các dịch vụ công trực tuyến với nền tảng thanh toán quốc gia PayGov để hỗ trợ việc thanh toán phí đối với các dịch vụ công trực tuyến mức 4.

c) Xây dựng hệ thống hỗ trợ định danh, xác thực người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

5. Hình thành các cơ sở dữ liệu

a) Số hóa, xây dựng dữ liệu nền, cơ sở dữ liệu dùng chung, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, tạo lập kho dữ liệu dùng chung của Tỉnh và tổ chức dữ liệu mở phục vụ xã hội.

b) Kết nối với các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quốc gia, hệ thống thông tin triển khai từ trung ương đến địa phương.

6. Phát triển, nâng cấp các ứng dụng, dịch vụ số

a) Hoàn thiện, nâng cấp tính năng, ban hành quy chế sử dụng để đảm bảo hiệu quả sử dụng các ứng dụng, phần mềm đang triển khai, trong đó bao gồm: Hệ thống Thư điện tử công vụ, phần mềm Quản lý văn bản, Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử Tỉnh và Trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước trên địa bàn Tỉnh.

b) Hoàn thiện, nâng cấp Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh và Hệ thống thông tin Một cửa điện tử tỉnh; tăng số lượng dịch vụ công trực tuyến mức 3, 4 theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông; tiếp tục tích hợp các dịch vụ công trực tuyến của Tỉnh trên Cổng dịch vụ công Quốc gia theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông.

7. Hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp, phát triển xã hội số

a) Xây dựng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp đầy mạnh ứng dụng công nghệ số, thực hiện chuyển đổi số trong mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh.

b) Xây dựng chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân vùng sâu, xa, khó khăn và người dân tộc thiểu số tiếp cận, khai thác dịch vụ số, bao gồm tiếp cận thông tin chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, dịch vụ công trực tuyến, đến dịch vụ đô thị thông minh và thương mại điện tử.

c) Số hóa hồ sơ, văn bản, chứng thực hồ sơ điện tử và cung cấp hệ thống cơ sở dữ liệu mở tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận, khai thác thông tin và thực hiện cung cấp thông tin, văn bản, giấy tờ, hồ sơ một lần duy nhất khi yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính ở mọi nơi, mọi lúc.

8. Triển khai các ứng dụng, dịch vụ đô thị thông minh

a) Triển khai các ứng dụng, dịch vụ đô thị thông minh về an ninh, trật tự an toàn, giao thông; quản lý đô thị, quản lý năng lượng chiếu sáng; cung cấp các dịch vụ về giáo dục thông minh, y tế thông minh, thanh toán không dùng tiền mặt; thí điểm các mô hình và dịch vụ cấp cơ sở thông minh tại các trung tâm đô thị và xã nông thôn mới kiểu mẫu.

b) Nâng cấp, hoàn thiện Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh để điều phối hoạt động chỉ đạo, điều hành, quản lý cung cấp dịch vụ số.

c) Xây dựng Vị Thanh trở thành đô thị thông minh điển hình của Tỉnh và khu vực, gắn liền phát triển dịch vụ đô thị thông minh với hệ thống chính quyền điện tử, phát triển bền vững theo mô hình kinh tế tuần hoàn.

d) Hoàn thiện, nâng cấp Hậu Giang App để hỗ trợ người dân tương tác thuận lợi, dễ dàng với cơ quan nhà nước.

9. Ưu tiên chuyển đổi số một số ngành, lĩnh vực

a) Ngành Giáo dục

Triển khai nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa để hỗ trợ học sinh, sinh viên trên địa bàn Tỉnh được tiếp cận với đội ngũ giảng viên giỏi, tài liệu học tập chất lượng cao với chi phí phù hợp. Ứng dụng tối đa công nghệ số trong công tác quản lý giáo dục và giảng dạy, bao gồm: Số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến; xây dựng cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý đội ngũ giáo viên, học sinh, có thể tương tác thuận tiện với phụ huynh học sinh.

b) Ngành Y tế

Phát triển nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa để hỗ trợ người dân được khám, chữa bệnh từ xa, giúp giảm tải các cơ sở y tế, hạn chế tiếp xúc đông người, giảm nguy cơ lây nhiễm chéo; 100% các cơ sở y tế có bộ phận khám chữa bệnh từ xa. Xây dựng và từng bước hình thành hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên các công nghệ số.

c) Ngành Nông nghiệp

Phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng chú trọng nông nghiệp thông minh, sạch; tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế.

Tập trung xây dựng các hệ thống dữ liệu lớn của ngành như: Đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy sản. Xây dựng mạng lưới quan sát, giám sát tích hợp trên không và mặt đất phục vụ các hoạt động nông nghiệp. Thúc đẩy cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai để người nông dân nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng. Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh; quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác, an toàn, vệ sinh thực phẩm.

d) Ngành Tài nguyên và Môi trường

Xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lớn toàn diện nhằm quản lý hiệu quả lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn Tỉnh.

10. Phát triển kinh tế số

a) Xây dựng cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động chuyên giao công nghệ số, kích thích sáng tạo, khuyến khích khởi nghiệp phát triển công nghệ số, cung cấp các sản phẩm và dịch vụ số; từng bước hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp số.

b) Đẩy nhanh ứng dụng các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt trong cơ quan nhà nước và trong cộng đồng.

c) Phát triển hạ tầng bưu chính trở thành một bộ phận trong hệ thống logistic về thương mại điện tử, hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân; triển khai mã địa chỉ bưu chính để phục vụ phát triển thương mại điện tử và kinh tế - xã hội Tỉnh.

d) Xây dựng và triển khai Đề án Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất chuyển đổi sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, sản xuất thông minh và từng bước thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp.

11. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

a) Triển khai hệ thống giám sát an toàn, an ninh mạng cấp Tỉnh (SOC) để đảm bảo an toàn thông tin cho các cổng, trang thông tin điện tử, các ứng dụng, phần mềm dùng chung của Tỉnh.

b) Thực hiện đầy đủ và có hiệu quả Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng an toàn thông minh của tỉnh Hậu Giang và Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao năng lực phòng chống phần mềm độc hại.

c) Xây dựng và áp dụng quy trình sao lưu, dự phòng (backup) dữ liệu, đảm bảo an toàn dữ liệu, đầu tư các thiết bị lưu trữ số liệu từ Tỉnh đến các sở, ban, ngành; huyện, thị xã, thành phố.

d) Hàng năm bố trí 10% kinh phí triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin cho các sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng tại cơ quan, đơn vị.

đ) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kỹ năng phòng, tránh nguy cơ mất an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân.

12. Chuẩn bị nguồn nhân lực công nghệ thông tin phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử, thực hiện chuyển đổi số

a) Đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công chức về kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin, nhận thức về chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số.

b) Đào tạo, tập huấn cho cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin các nội dung kỹ thuật chuyên sâu về quản trị mạng, quản trị hệ thống; các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, an ninh mạng.

c) Đào tạo kiến thức, kỹ năng xây dựng chiến lược, tầm nhìn, mục tiêu chuyển đổi số cho lãnh đạo các sở, ban, ngành, địa phương để tham mưu cho lãnh đạo Tỉnh thực hiện chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương và trên toàn Tỉnh.

d) Xây dựng và triển khai chính sách, giải pháp thúc đẩy người dân và doanh nghiệp sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ước tính tổng kinh phí thực hiện Kế hoạch: 445,8 tỷ đồng.

2. Nguồn kinh phí: Ngân sách nhà nước của Tỉnh; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

V. DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Đính kèm các Phụ lục 1, 2, 3, 4 Danh mục các dự án đầu tư, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2021 - 2025)

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch, định kỳ tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, đề xuất sửa đổi, bổ sung khi cần thiết.

b) Xây dựng Kế hoạch hàng năm, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan xây dựng dự toán kinh phí, cân đối ngân sách để triển khai, trình UBND tỉnh phê duyệt.

c) Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan hướng dẫn xây dựng, thẩm định nội dung và kinh phí các đề án, dự án để triển khai Kế hoạch của các cơ quan nhà nước trên địa bàn Tỉnh.

d) Phối hợp với Sở Nội vụ và các sở, ban, ngành tỉnh đẩy mạnh các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong chương trình cải cách hành chính, nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả các hoạt động quản lý nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Cân đối nguồn vốn bố trí cho các dự án để thực hiện Kế hoạch, đồng thời tranh thủ các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác phù hợp theo quy định của pháp luật.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị liên quan, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, thực hiện Kế hoạch theo quy định.

4. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch hàng năm bồi dưỡng, đào tạo kiến thức, kỹ năng cho lãnh đạo sở, ban, ngành, địa phương; cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin; cán bộ, công chức, viên chức các sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố; gắn kết chặt chẽ nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước với nhiệm vụ cải cách hành chính của Tỉnh.

5. Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND huyện, thị xã, thành phố

a) Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện Kế hoạch xây dựng Chính quyền điện tử, đô thị thông minh và chuyển đổi số hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương mình. Ưu tiên cân đối, bố trí, huy động kinh phí để triển khai thực hiện.

b) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện Kế hoạch chung của Tỉnh, bảo đảm đồng bộ với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành và địa phương.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị và địa phương phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT. HQ

E:\2021\1.STT\4.DeAn\12.KH_21_25.doc

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Thu Ánh

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh Hậu Giang)

NĂM 2021

STT	Tên Dự án	Mục tiêu
1.	Trang bị, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin cho các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện, xã	Nâng cấp, trang bị máy tính, máy in, máy scan cho cán bộ trong cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh, đến cấp huyện, cấp xã
2.	Hệ thống phòng họp không giấy (eCabinet) và cho ý kiến điện tử của tỉnh	Xây dựng phần mềm dùng chung cho phép thực hiện các cuộc họp không giấy; bỏ phiếu, cho ý kiến tại các cuộc họp của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh
3.	Mở rộng, nâng cấp hệ thống hội nghị trực tuyến của tỉnh xuống cấp huyện, cấp xã	Tổ chức được các cuộc họp trực tuyến từ cấp tỉnh, xuống cấp huyện, cấp xã một cách thông suốt, an toàn
4.	Mở rộng, nâng cấp Cổng Dịch vụ công trực tuyến	Cung cấp thêm dịch vụ công trực tuyến mức 3 và 4 cho tất cả cơ quan, đơn vị. Tích hợp nhiều tính năng mới như: quản lý biên lai điện tử, nhận dạng thông tin cá nhân từ thẻ căn cước công dân,...; tích hợp ký số trên hệ thống, điện tử hóa một số quy trình nghiệp vụ chuyên ngành,... Cung cấp ứng dụng di động cho các chức năng: xử lý hồ sơ; đánh giá mức độ hài lòng; Xây dựng quy trình quản lý hồ sơ điện tử theo tiêu chuẩn ISO:9001 phiên bản 2015,...
5.	Mở rộng, nâng cấp Ứng dụng di động Hậu Giang	Hoàn thiện, bổ sung tính năng của ứng dụng HậuGiang App; Cải tiến một số tiện ích cho chức năng Phản ánh hiện trường và một số tính năng, tiện ích đã triển khai. Triển khai chức năng Phòng chống dịch bệnh, theo dõi vết bằng cách quét mã QR). Tích hợp bản đồ số của tỉnh

STT	Tên Dự án	Mục tiêu
		về y tế, giáo dục và du lịch,... Tích hợp chức năng thanh toán trực tuyến,...
6.	Hệ thống hỗ trợ xác thực người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Định danh và xác thực người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến
7.	Xây dựng Hệ thống Giám sát an toàn, an ninh mạng (SOC)	Đảm bảo an toàn cho các cơ sở dữ liệu, các ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh
8.	Xây dựng các ứng dụng chuyển đổi số ngành Nông nghiệp	Nâng cao chất lượng, sản lượng và khả năng tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh
9.	Xây dựng các ứng dụng chuyển đổi số ngành Y tế	Giúp các bệnh viện ở tỉnh có thể thực hiện hợp, hội chẩn với các bệnh viện Trung ương; người dân có thể được tư vấn khám, chữa bệnh từ xa.
10.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng	Mở rộng, nâng cấp các ứng CNTT của các cơ quan Đảng

NĂM 2022

STT	Tên Dự án	Mục tiêu
11.	Xây dựng mạng diện rộng của tỉnh (WAN)	Đảm bảo tốc độ cao, ổn định và an toàn cho các ứng dụng dùng chung của tỉnh như: hệ thống họp trực tuyến, hệ thống quản lý văn bản...
12.	Nâng cấp Trung tâm Dữ liệu tỉnh	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật Trung tâm dữ liệu tỉnh đảm bảo chức năng backup cho các hệ thống, ứng dụng, phần mềm dùng chung của Tỉnh
13.	Số hóa văn bản, tài liệu lưu trữ	Thực hiện lưu trữ, xử lý văn bản điện tử theo quy định; nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng văn bản.
14.	Mở rộng, nâng cấp Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh	Bổ sung, hoàn thiện các tính năng của Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh
15.	Xây dựng các ứng dụng chuyển đổi số ngành Giáo dục	Nâng cao chất lượng công tác dạy và học cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan: học sinh, phụ huynh học sinh, nhà trường, giáo viên...
16.	Xây dựng các ứng dụng chuyển đổi số ngành Tài nguyên và Môi trường	Nâng cao hiệu lực, hiệu quả cơ quan nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường
17.	Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Phục vụ việc quản lý điều hành của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hậu Giang
18.	Hệ thống trợ lý ảo (callbot) giải đáp thủ tục hành chính	Ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo xây dựng hệ thống trợ lý ảo (callbot) giải đáp cho tất cả thủ tục hành chính của chính quyền 3 cấp
19.	Mở rộng, nâng cấp Hệ thống quản lý văn bản	Hoàn thiện, bổ sung tính năng của Hệ thống quản lý văn bản; Cải tiến một số tính năng và mở rộng phạm vi sử dụng cho các cơ quan ngành dọc, các cơ quan, đơn vị sự nghiệp còn lại của tỉnh. Tích hợp hệ thống eCabinet và hệ thống lưu trữ văn bản của Sở Nội vụ.

NĂM 2023

STT	Tên Dự án	Mục tiêu
20.	Hệ thống camera thông minh để nhận dạng khuôn mặt, biển số xe	Giám sát, phát hiện các hiện tượng bất thường tại các điểm công cộng, nơi dễ xảy ra mất an ninh trật tự, nơi hay có tụ tập đám đông... để có các biện pháp xử lý kịp thời
21.	Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu ngành Thông tin và Truyền thông	Phục vụ công tác quản lý nhà nước, hỗ trợ ra quyết định trong ngành Thông tin và Truyền thông
22.	Thiếp lập các điểm phát Wifi miễn phí tại nơi công cộng	Đáp ứng nhu cầu kết nối mọi lúc mọi nơi của người dân và du khách, tạo ấn tượng tốt với du khách về Hậu Giang
23.	Xây dựng các ứng dụng chuyển đổi số ngành Du lịch	Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về du lịch, chất lượng công tác tuyên truyền, quảng bá du lịch của Hậu Giang, từ đó thu hút khách du lịch đến Hậu Giang

NĂM 2024

STT	Tên Dự án	Mục tiêu
24.	Xây dựng các ứng dụng chuyển đổi số ngành Lao động - Thương binh và Xã hội	Nâng cao hiệu lực, hiệu quả cơ quan nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội
25.	Xây dựng các ứng dụng chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý đô thị	Nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác quản lý nhà nước về đô thị, đảm bảo minh bạch
26.	Xây dựng hệ thống dữ liệu mở (Open Data)	Hỗ trợ người dân có thể truy cập dữ liệu của các cơ quan nhà nước dễ dàng, thuận tiện
27.	Ứng dụng phân tích dữ liệu lớn (Big Data) vào hệ thống hỗ trợ ra quyết định	Hỗ trợ việc ra quyết định của lãnh đạo Tỉnh trong việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

PHỤ LỤC 2**DANH MỤC HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Kèm theo Kế hoạch /KH-UBND ngày tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh Hậu Giang)

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu
1	Thuê Dịch vụ Dữ liệu đám mây (2023 - 2025)	Cung cấp hạ tầng số cho các ứng dụng, phần mềm dùng chung của Tỉnh, đảm bảo tốc độ truy cập và an toàn, an ninh mạng
2	Đào tạo, tập huấn, tuyên truyền cho người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến (2021 - 2025)	Trang bị kỹ năng để người dân, doanh nghiệp có thể sử dụng dịch vụ công trực tuyến trực tuyến.

PHỤ LỤC 3**DANH MỤC NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Ban hành /KH-UBND ngày ... tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh Hậu Giang)

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu
1	Nghiên cứu xây dựng mạng lưới các thiết bị IoT của tỉnh Hậu Giang phục vụ phát triển Chính quyền điện tử và đô thị thông minh	Nghiên cứu xây dựng mạng lưới các thiết bị, làm cơ sở để đầu tư mua sắm, trang bị, cụ thể bao gồm các thiết bị sau: Cảm biến chất lượng không khí; Cảm biến độ mặn; Camera thu thập dữ liệu về lĩnh vực an ninh trật tự; Camera thu thập dữ liệu về lĩnh vực giao thông.

PHỤ LỤC 4**DANH MỤC NHIỆM VỤ SỬ DỤNG VỐN XÃ HỘI HÓA GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Kèm theo Kế hoạch KH-UBND ngày tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh Hậu Giang)

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu
1	Phổ cập điện thoại thông minh cho hộ gia đình	Mỗi người dân đều có điện thoại thông minh